

Số: 891 /QĐ-DVN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Biểu giá dịch vụ Cảng biển của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần

TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN (PVOIL)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2021 và các sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-DVN ngày 07/01/2019 do Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP ban hành về việc ban hành Biểu giá dịch vụ Cảng biển của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Ban Pháp chế, Ban Tài chính Kế toán, Ban Kinh doanh sản phẩm Dầu tại Tờ trình số 166 /TTr-PC ngày 07/ 11/2024 về việc phê duyệt và ban hành Biểu giá dịch vụ Cảng biển của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Biểu giá dịch vụ Cảng biển của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Biểu giá dịch vụ Cảng biển của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-DVN ngày 07/01/2019 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Giao Ban Pháp chế, Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông; Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè; Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ tổ chức việc niêm yết, công bố, kê khai Biểu

giá dịch vụ Cảng biển của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban có liên quan, Giám đốc các đơn vị trực thuộc có sử dụng cảng biển (PVOIL Nhà Bè, PVOIL Miền Đông, PVOIL Đình Vũ) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- HĐQT (để b/c);
- P.TGD N.Đ.Trình, L.T.T.Hương (để chỉ đạo t/hiện);
- Ban KS (để biết);
- Các Ban: TCKT, KDSPD (để biết);
- Lưu: VT, PC, VTT (3b).



Đoàn Văn Nhuộm

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 891 /QĐ-DVN ngày 08 / 11 /2024 của
Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2024

19/11/2024

I. Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các sửa đổi, bổ sung;

Luật Giá số 16/2023/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2023;

Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam;

Quyết định số 809/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2021 và các sửa đổi, bổ sung;

Chất lượng dịch vụ, tình hình thị trường, mặt bằng giá dịch vụ tại khu vực cảng và nhu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP.

II. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

Phạm vi điều chỉnh: Biểu giá dịch vụ cảng biển này quy định khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại Cảng biển của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.

Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ cầu, bến, phao neo của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP.

Tàu thuyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều 3 Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ giao thông vận tải không thuộc đối tượng tính giá theo quy định tại Biểu giá dịch vụ cảng biển này.

III. Đồng tiền thu giá dịch vụ

1. Đồng tiền thu giá dịch vụ là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo cung cấp cho tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế.

2. Đồng tiền thu giá dịch vụ là Đồng Việt Nam đối với dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo cung cấp cho tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa.

3. Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

IV. Đơn vị tính giá và cách làm tròn

Mức thu giá dịch vụ cảng biển được tính trên cơ sở Tổng dung tích (Gross tonnage-GT) của tàu thuyền; Thời gian được tính bằng giờ, ngày; Khối lượng hàng hóa được tính bằng tấn hoặc m³.

1. Đơn vị trọng tải:

Trọng tải tính giá là tổng dung tích toàn phần GT của tàu thuyền, phần lẻ dưới 0,5 GT không tính, từ 0,5 GT trở lên tính tròn 1GT.

Đối với tàu thuyền không ghi GT, được quy đổi như sau:

- Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT;
- Tàu kéo, tàu đẩy: 1 mã lực (HP/CV) tính bằng 0,5 GT;
- Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01 GT.

2. Đơn vị tính công suất máy: Công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW được tính tròn 01 HP, 01 CV và 01 KW.

3. Đơn vị thời gian:

- Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ; phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng 1/2 ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày;
- Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

4. Đơn vị khối lượng hàng hóa (kể cả bao bì): là tấn hoặc mét khối (m³); Phần lẻ dưới 0,5 tấn hoặc 0,5 m³ không tính, từ 0,5 tấn hoặc 0,5 m³ trở lên tính bằng 01 tấn hoặc 01 m³. Trong một vận đơn lẻ, khối lượng tối thiểu để tính giá là 01 tấn hoặc 01 m³. Với loại hàng hóa mỗi tấn chiếm từ 02 m³ trở lên thì cứ 02 m³ tính bằng 01 tấn.

5. Thuế giá trị gia tăng: Đơn giá neo buộc tại cầu, phao neo, hàng hóa thông qua cầu cảng, phao neo và đơn giá dịch vụ buộc, cời dây quy định tại Biểu giá dịch vụ cảng biển này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

V. Quy định cụ thể

1. Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông (Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông)

1.1 Khung giá sử dụng cầu, phao thuộc khu vực hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa:

a. Giá neo buộc tại cầu, phao neo:

Tàu thuyền neo buộc tại cầu: 15 đồng/GT/giờ.

Tàu thuyền neo buộc tại phao neo: 10 đồng/GT/giờ.

Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu: 15 đồng/GT/giờ.

Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm phao neo: 10 đồng/GT/giờ.

Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao neo: 7,5 đồng/GT/giờ.

b. Giá dịch vụ buộc, cởi dây:

Trọng tải tàu	Giá dịch vụ tại cầu (đồng/lần buộc hoặc cởi)	Giá dịch vụ tại phao neo (đồng/lần buộc hoặc cởi)
Từ 500 GT trở xuống	210.000	330.000
Từ 501 GT đến 1000 GT	315.000	440.000
Từ 1001 GT đến 4000 GT	630.000	990.000
Từ 4001 GT đến 10.000 GT	945.000	1.320.000
Từ 10.001 GT đến 15.000 GT	1.155.000	1.650.000
Từ 15.001 GT đến 20.000 GT	1.365.000	1.870.000
Từ 20.001 trở lên	1.575.000	2.200.000

1.2 Khung giá sử dụng cầu thuộc khu vực hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

a. Giá neo buộc tại cầu, phao neo:

Tàu thuyền neo buộc tại cầu: 0,0031 USD/GT/giờ.

Tàu thuyền neo buộc tại phao neo: 0,0013 USD/GT/giờ.

Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu: 0,0060 USD/GT/giờ.

Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm phao neo: 0,0020 USD/GT/giờ.

Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao neo: 0,0015 USD/GT/giờ.

b. Đối với hàng hóa thông qua cầu cảng, phao neo: 0,90 USD/tấn (Hàng hóa là hàng lỏng).

c. Giá buộc hoặc cởi dây:

Tàu thuyền buộc hoặc cởi tại cầu: 50 USD/lần buộc hoặc cởi.

Tàu thuyền buộc hoặc cởi tại phao neo: 149 USD/lần buộc hoặc cởi.

2. Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè (Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Nhà Bè)**2.1 Khung giá sử dụng cầu thuộc khu vực hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa:****a. Giá neo buộc tại cầu:**

Tàu thuyền neo buộc tại cầu: 15 đồng/GT/giờ.

Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu: 15 đồng/GT/giờ.

Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu: 7,5 đồng/GT/giờ.

b. Giá dịch vụ buộc hoặc cởi dây tại cầu:

Trọng tải tàu	Giá dịch vụ (đồng/lần buộc hoặc cởi)
Từ 500 GT trở xuống	210.000
Từ 501 GT đến 1000 GT	315.000
Từ 1001 GT đến 4000 GT	630.000
Từ 4001 GT đến 10.000 GT	945.000
Từ 10.001 GT đến 15.000 GT	1.155.000
Từ 15.001 GT đến 20.000 GT	1.365.000
Từ 20.001 trở lên	1.575.000

2.2 Khung giá sử dụng cầu thuộc khu vực hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:**a. Giá neo buộc tại cầu:**

Tàu thuyền neo buộc tại cầu: 0,0031 USD/GT/giờ.

Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu: 0,0060 USD/GT/giờ.

Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu: 0,0015 USD/GT/giờ.

- b. Đối với hàng hóa thông qua cầu cảng: 0,90 USD/tấn (Hàng hóa là hàng lỏng).
- c. Giá buộc hoặc còi dây tại cầu: 50 USD/lần buộc hoặc còi (tàu thuyền buộc hoặc còi tại cầu cảng).

3. Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ (Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Đình Vũ):

STT	Trọng tải tàu	Giá dịch vụ buộc hoặc còi dây (đồng/lần)
1	Dưới 3.000 GT	470.000
2	Từ 3.000 GT đến dưới 6.000 GT	670.000
3	Từ 6.000 GT đến dưới 10.000 GT	940.000
4	Từ 10.000 GT đến dưới 20.000 GT	1.410.000
5	Từ 20.000 GT đến dưới 30.000 GT	2.120.000
6	Từ 30.000 GT trở lên	3.190.000

4. Đối với dịch vụ chưa có giá được nêu tại phần trên và quy định bắt buộc thu thì sẽ áp mức giá cao nhất tương ứng với dịch vụ cung cấp theo quy định tại Quyết định số 809/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ giao thông vận tải ban hành biểu khung giá dịch vụ sử dụng, cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam.

5. Các nội dung chưa được quy định tại Biểu giá này thì sẽ áp dụng các quy định pháp luật có liên quan.

